TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 08/8/2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Tấn Thắng.
2. Bà Võ Thị Cảnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 08/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GĐ) thụ lý số: 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2023 về việc: ***"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị B, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Làng Hà Đừng 1, xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;

- Bị đơn: Anh Đinh Văn D, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Làng Hà Đừng 1, xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;

Chị Đinh Thị B và anh Đinh Văn D đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Đinh Thị B trình bày: Chị và anh D qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình chung sống giữa chị và anh D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không tin tưởng lẫn nhau nên hay xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Hiện nay, chị và anh D đã không còn chung sống với nhau được T 05 năm rồi, ai cũng có cuộc sống riêng, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị B yêu cầu Tòa giải quyết cho chị và anh D được ly hôn với nhau.

Về con chung: Chị B và anh D có 02 con chung tên Đinh Văn T, sinh ngày 16/12/2012 và Đinh Thị T, sinh ngày 16/7/2018, hiện nay các cháu đang sống cùng với

chị B. Sau khi ly hôn, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động. Chị B không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh D không có tài sản chung và nợ chung nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/5/2023, bị đơn anh Đinh Văn D trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung tên Đinh Văn T, sinh ngày 16/12/2012 và Đinh Thị T, sinh ngày 16/7/2018. Sau khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động. Do chị B không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị B không có tài sản chung và nợ chung nên anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Trích lục kết hôn mang tên Đinh Thị B và Đinh Văn D (bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Đinh Thị B (bản sao); 01 Trích lục khai sinh mang tên Đinh Văn T và 01 Giấy khai sinh mang tên Đinh Thị T (đều là bản sao).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị B và anh D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 21/3/2017; anh D và chị B có 02 con chung tên Đinh Văn T, sinh ngày 16/12/2012 và Đinh Thị T, sinh ngày 16/7/2018. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị B giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đinh Thị B và Đinh Văn D (bản sao); 01 Trích lục khai sinh mang tên Đinh Văn T và 01 Giấy khai sinh mang tên Đinh Thị T (đều là bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị B có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* giữa chị và anh Đinh Văn D có địa chỉ tại Làng Hà Đừng 1, xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị B và bị đơn anh Đinh Văn D đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị B và anh Đinh Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh D là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị B:

Chị B cho rằng trong quá trình chung sống giữa chị và anh D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm gì đến nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc, chị B và anh D cũng đã ly thân phần ai

nấy sống được T 05 năm và anh D cũng đồng ý ly hôn với chị B. Tòa án đã tiến hành triệu tập anh D nhiều lần đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh D không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị B.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật HN&GĐ năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị B, xử cho chị B được ly hôn với anh D.

[5] Về con chung: Chị Đinh Thị B và anh Đinh Văn D có 02 con chung tên Đinh Văn T, sinh ngày 16/12/2012 và Đinh Thị T, sinh ngày 16/7/2018. Hiện nay các con đang sống cùng chị B ổn định về mọi mặt cả vật chất lẫn tinh thần. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi trưởng thành, có khả năng lao động. Anh D cũng đồng ý giao cả hai con chung cho B nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả 02 con chung tên Đinh Văn T và Đinh Thị T cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị B không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đinh Thị B và anh Đinh Văn D không có tài sản chung và nợ chung nên cả chị B và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị B là người đồng bào dân tộc thiểu số sống trong vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị B.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị B được ly hôn với anh Đinh Văn D.

[2] Về con chung: Giao cháu Đinh Văn T, sinh ngày 16/12/2012 và Đinh Thị T, sinh ngày 16/7/2018 cho chị Đinh Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đinh Thị B không yêu cầu anh Đinh Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Đinh Thị B được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Kbang;
-Chi cục THADS huyện Kbang;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngọc